

Bản án số: 101/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 5 - 2026

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Thanh, bà Nguyễn Phan Thùy Trang.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** bà Phan Thị Cẩm G, sinh năm 1992, căn cước công dân 089192007798; nơi cư trú: ấp BT, xã BM, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: tổ 02, ấp VP, xã CP, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

- **Bị đơn:** ông Trần Văn K, sinh năm 1996, căn cước công dân số 089096002972; nơi cư trú: tổ 14, ấp BT, xã BM, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/01/2026 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Cẩm G trình bày:

- Về hôn nhân: bà và ông K do gia đình hai bên mai mối và sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Chánh (nay là UBND xã BM) vào ngày 04/7/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xảy ra tranh cãi, cả hai đã nhiều lần hàn gắn nhưng mâu thuẫn vẫn diễn

ra và ngày càng trầm trọng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông K.

- Về con chung: có 01 (một) con chung tên Trần Phước V, sinh ngày 28/10/2016. Khi ly hôn bà giao con chung cho ông K nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại bản tự khai đề ngày 10 tháng 4 năm 2026 bị đơn ông Trần Văn K trình bày:

- Về hôn nhân: thống nhất ly hôn với bà G.

- Về con chung: thống nhất có 01 con chung tên Trần Phước V, sinh ngày 28/10/2016. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà G cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại xã BM, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang thụ lý giải quyết là đúng với quy định pháp luật.

[1.2] Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: bà G và ông K xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Chánh (nay là UBND xã BM) theo giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 04/7/2016. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 9 và Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và phải có nghĩa vụ chung sống với nhau. Tuy nhiên, ông bà đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên làm cho hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông bà đoàn tụ nhưng ông bà cương quyết và thống nhất ly hôn. Căn cứ Điều 51 và Điều 55 của

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà G là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: xét thấy, bà G và ông K thống nhất con chung do ông K trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Hơn nữa, con chung cũng có nguyện vọng được sống với ông K. Do đó, để ổn định về tâm lý, môi trường sống, điều kiện học tập, nơi ở, đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung cũng như tôn trọng sự thống nhất của các đương sự và nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Trần Phước V cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng: ông K không yêu cầu bà G cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự: bà G phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông K không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 55 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: bà Phan Thị Cẩm G được ly hôn với ông Trần Văn K.
- Về con chung: ông Trần Văn K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Trần Phước V, sinh ngày 28/10/2016.
- Về cấp dưỡng: bà Phan Thị Cẩm G không phải cấp dưỡng cho con chung.

+ Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

+ Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Về án phí dân sự: bà Phan Thị Cẩm G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 304457 ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

- Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV13 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã BM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Quang

